

Bản án số: 128/2019/HS-PT
Ngày 11-4-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Tùng, bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 101/2019/TLPT-HS ngày 05 tháng 3 năm 2019, đối với các bị cáo Khổng Văn T, Nguyễn Văn T1 về tội: “*Cướp tài sản*” và tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Do có kháng cáo của các bị cáo Khổng Văn T và Nguyễn Văn T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HSST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: Khổng Văn T; sinh ngày 23 tháng 10 năm 1984; nơi sinh: Huyện B, Tỉnh Bắc Cạn; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông: Khổng Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị T3, Sinh năm: 1957; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Bản án số 28/2012/HSST ngày 10 tháng 05 năm 2012, của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “*Đánh bạc*”, thời gian thử thách 01 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Hình phạt bổ sung: Phạt 3.000.000đ sung công quỹ Nhà nước và phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 20 tháng 02 năm 2015 thi hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26 tháng 9 năm 2014 - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn T1; sinh ngày 29 tháng 11 năm 1976; nơi sinh: Huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Trịnh Thị T4, Sinh năm: 1933; Vợ là: Nguyễn Thị T5, sinh năm 1977; Con: có 03 con (Lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/9/2014 đến ngày

07/01/2015 được gia đình bảo lãnh, ngày 05/7/2017 bị cáo đi chấp hành án, đến ngày 08/02/2018 chuyển sang tạm giam - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Phan Sỹ N - sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 06/2014, Khổng Văn T trú tại thôn T, xã E, huyện K mở cho Phan Sỹ N trú tại thôn T, xã C, huyện K 01 trang website cá độ bóng đá qua mạng Internet. Anh N chơi cá độ được khoảng 15 ngày thì bị thua độ và nợ T số tiền 190.000.000đ (một trăm chín mươi triệu đồng), sau đó N đã trả cho T được 19.000.000đ và còn nợ lại T 171.000.000đ, mặc dù T đã nhiều lần đòi nhưng N không trả. Khoảng 10 giờ ngày 26/09/2014, T rủ Nguyễn Văn T1 trú tại thôn T, xã E, huyện K và Trương Tuấn D trú cùng thôn với T1 đến nhà N đòi nợ thì T1 và D đồng ý. Sau đó T1 chở T và D bằng xe ô tô mang biển kiểm soát 81M-2xxx của T1 đi đến nhà N để buộc N trả nợ. Khi đến nhà N thì thấy N chạy xe mô tô ra rẫy ở thôn T, xã C, huyện K, nên T1 lái xe chở T và D chạy theo, trên đường đi thì T nói rõ cho D biết việc N nợ T tiền cá độ bóng đá và đi tìm N để đòi nợ. Khi đến rẫy thì T1 ở trong xe chờ, còn T và D xuống xe đi bộ vào trong rẫy tìm N, lúc này N đi xe mô tô đi ra thì D cầm chụp tay trái N, T chụp tay phải N và kéo N ra khỏi xe mô tô, D tiếp tục cầm tay trái anh N bẻ quặt ra sau lưng và đè anh N xuống đường, còn T đè đầu anh N xuống đường. Sau đó T và D dùng tay chân đánh, đá nhiều cái vào đầu, lưng và mặt N gây thương tích; xe mô tô của N bị ngã nên T dựng xe N, còn D ép N ngồi lên xe mô tô giữa T và D, để T ngồi trước điều khiển xe chở đi đến xe ô tô của T1 đứng chờ lúc trước. D ở lại giữ anh N và T1 mở cửa sau để D ép N ngồi lên ghế sau xe ô tô, còn T đem xe máy của N đi gửi ở nhà bà Nguyễn Thị H ở thôn T, xã C, huyện K và nói với bà H là có gì buổi chiều vợ anh N vào lấy. Sau đó T quay lại xe ô tô mở cửa sau bên phải xe vào cùng với D ngồi hai bên ép anh N ngồi ở giữa để canh giữ không cho anh N bỏ chạy. Trên xe T và D yêu cầu N trả nợ, T đe dọa mang N xuống nhà cái S để xử lý, anh N nói không có tiền để trả thì T dùng tay đâm nhiều cái vào bụng anh N; còn D thì dọa mang xuống thác chặt tay, tháo đốt tay N và dùng tay đâm nhiều cái vào bụng anh N. Thấy vậy, T1 nói đừng đánh N nữa mà chở N về quán cà phê C ở thôn T, xã E, huyện K của T1 để tìm cách bắt anh N trả nợ cho T.

Sau đó T1 điều khiển xe ô tô chở N, T và D về nhà T1 tại quán cà phê C cách rẫy anh N khoảng 10km. Tại đây D tiếp tục yêu cầu N trả tiền cho T, T nói tại sao gọi điện mà anh N không bốc máy, còn D thì nói “*nợ thì trả đi, trốn tránh có giải quyết được đâu*” và dùng tay tát vào mặt N 01 cái để đe dọa buộc N phải trả nợ cho T. T tiếp tục đòi nợ N thì N nói “*để cuối năm bán đất trả*”, T1 ngồi gần đó liền nói “*vậy thì bảo nó viết giấy sang nhượng lô đất*” rồi nói người mang giấy bút ra để T1 bắt N viết giấy sang nhượng đất do T1 đọc với nội dung: Phan Sỹ N và vợ Lê Thị

T6 sang nhượng lô đất, kích thước 13m x 50m ở thôn T, xã C cho Không Văn T với giá 350.000.000đ, đặt cọc 171.000.000đ, số tiền 179.000.000đ còn lại hẹn đến ngày 06/09/2014 (âm lịch) giao bì đỏ cho T và lấy số tiền còn lại. Do liên tục bị đe dọa và đánh đập nên N sợ hãi viết giấy sang nhượng đất theo ý của T, T1 và D, sau khi anh N viết tờ thứ nhất sai, viết sang tờ thứ hai thì D đứng dậy nghe điện thoại và bỏ đi. Lúc T1 và T đang ép N viết giấy sang nhượng đất thì Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng đến làm việc.

Ngày 04/11/2014, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận giá trị thửa đất có diện tích 650m² của anh Phan Sỹ N và chị Lê Thị T6 tại thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có giá là 350.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 28 ngày 12/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản Tại bản kết luận pháp y số 153 ngày 14/01/2015 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Phan Sỹ N bị đa thương phần mềm, tỉ lệ thương tích 8%.

Ngày 14/03/2015, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận giá trị xe ô tô hiệu M, biển kiểm soát 81M-2xxx có giá 71.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HSST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Không Văn T, Nguyễn Văn T1 và Trương Tuấn D phạm tội: “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và tội “*Cướp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm e khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Không Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”.

Buộc bị cáo Không Văn T phải chấp hành hình phạt tù chung cho 02 tội là: 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/9/2014.

- Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm e khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và (điểm h khoản 1 Điều 46 đối với tội Bắt, giữ người trái pháp luật); điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Nguyễn Văn T1 09 (chín) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chấp hành hình phạt tù chung cho 02 tội là: 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/7/2017 và được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam trước đó, từ ngày 26/9/2014 đến ngày 07 tháng 01 năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm e khoản 2 Điều 133; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 và (điểm h, p đối với tội Bất, giữ người trái pháp luật); điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Trương Tuấn D 01 (một) năm tù về tội “*Bất, giữ người trái pháp luật*” và 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”.

Buộc bị cáo Trương Tuấn D phải chấp hành hình phạt tù chung cho 02 tội là: 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/6/2018 và được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam trước đó, từ ngày 14/5/2015 đến ngày 09/7/2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/01/2019 các bị cáo Không Văn T và Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 31/01/2019 bị cáo Trương Tuấn D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 20/3/2019 bị cáo Trương Tuấn D có đơn xin rút đơn kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo D tại Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 30/2019/HSPT-QĐ ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Không Văn T và Nguyễn Văn T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, đúng như nội dung vụ án đã nêu.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Không Văn T và Nguyễn Văn T1 phạm tội: “*Bất, giữ người trái pháp luật*” và tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 và điểm e khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Không Văn T: Bị cáo Không Văn T có ông ngoại (Nguyễn Văn T7) được nhà nước khen tặng Huân chương kháng chiến hạng 3 - đây là tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng Tòa cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thiếu sót, cần áp dụng thêm. Tuy nhiên mức hình phạt: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Bất, giữ người trái pháp luật*” và 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”, tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo T phải chấp hành là 09 năm 09 tháng tù là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 - không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo T về việc xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 06/2019/HSST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với bị cáo T. Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm e khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản

1 Điều 48; điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt: Không Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”. Buộc bị cáo Không Văn T phải chấp hành hình phạt tù chung cho 02 tội là: 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/9/2014.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1: Hình phạt 07 (bảy) năm 06 (sáu) về tội cướp tài sản và 09 tháng tù về tội “*bắt giữ người trái pháp luật*” đối với bị cáo T1 là có phần nghiêm khắc bởi lẽ bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại b, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 (điểm h khoản 1 Điều 46 đối với tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”); Bị cáo có thời gian phục vụ trong Quân đội nhưng Tòa cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo là thiếu sót, cần áp dụng thêm cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp giấy xác nhận của công an huyện Krông Năng xác nhận: Trong quá trình tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Krông Năng bị cáo có tham gia báo cho cán bộ trực và cứu chữa một bị can khác tự tử qua cơn nguy hiểm - Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 - chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1, sửa bản án sơ thẩm số: 06/2019/HSST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với bị cáo T1. Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm e khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và (điểm h khoản 1 Điều 46 đối với tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”); điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt: Nguyễn Văn T1 06 (sáu) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và 07 (bảy) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chấp hành hình phạt tù chung cho 02 tội là: 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/7/2017 và được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam trước đó, từ ngày 26/9/2014 đến ngày 07 tháng 01 năm 2015.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ việc thua cá độ bóng đá, nên Phan Sỹ N đã viết giấy nhận nợ Không Văn T số tiền 171.000.000 đồng và hẹn một thời gian sau trả. Mặc dù đã nhiều lần Không Văn T đòi nợ nhưng anh N không trả mà còn né tránh. Không Văn T đã kể cho Nguyễn Văn T1 và một số người khác cùng biết và đưa cho Nguyễn Văn T1 giữ giấy nhận nợ mà anh N đã viết. Sáng ngày 26/9/2014, T đã rủ Nguyễn Văn T1 và Trương Tuấn D đi vào nhà anh N để đòi nợ. T1 lấy xe ô tô BKS 81M-2xxx chở T và D đi. Khi đi đến

trước ngõ nhà anh N thì anh N thấy T và T1 nên anh N bỏ chạy vào rẫy cách nhà ở anh N khoảng 04 km. Thấy anh N bỏ chạy nên T1 đã quay đầu xe ô tô và chở T và D đuổi theo anh N. Khi đi đến gần rẫy nhà anh N (cách rẫy khoảng 50 mét) do đường hẹp, xe ô tô không vào được nên T1 đã dừng xe lại và ngồi trong xe chờ, còn T và D xuống xe đi bộ vào rẫy nhà anh N để tìm anh N, khi T và D đang đi bộ vào rẫy thì gặp anh N chạy xe máy từ trong rẫy đi ra, T và D chặn xe mô tô anh N lại rồi không chừa, dùng tay, chân đấm, đá anh N nhiều cái vào đầu, lưng và mặt anh N gây thương tích. Sau đó ép anh N lên xe mô tô để chở đến chỗ xe ô tô của T1 đang đậu ở ngoài chờ. Sau khi T và D không chừa, ép buộc anh N lên xe ô tô thì T và D tiếp tục dùng tay đánh và đe dọa anh N, còn T1 điều khiển xe ô tô để đem anh N về quán cà phê “C” của T1 để tìm cách ép buộc anh N trả nợ cho T.

Sau khi bắt, giữ, không chừa đưa anh N lên xe ô tô, chở anh N về quán cà phê C, T1 cùng với T, D tiếp tục có hành vi đánh anh N và yêu cầu anh N phải trả nợ cho T thì anh N khóc lóc, van xin và hẹn đến cuối năm bán đất để trả nợ cho T. Nghe anh N nói vậy T1 liền khởi xướng việc yêu cầu anh N viết giấy sang nhượng đất cho T để khấu trừ nợ, lúc này T1 gọi người đem giấy, bút ra và yêu cầu anh N phải viết giấy sang nhượng đất cho T theo nội dung T1 đọc “Phan Sỹ N và vợ Lê Thị T6 sang nhượng lô đất kích thước 13 mét × 50 mét ở thôn T, xã C cho Không Văn T với giá 350.000.000 đồng, đặt cọc 171.000.000 đồng, số tiền 179.000.000 đồng còn lại hẹn đến ngày 06/9/2014 (âm lịch) giao bìa đỏ cho T và lấy số tiền còn lại”. Do bị đánh đập và uy hiếp nên buộc anh N phải viết giấy sang nhượng đất cho T theo yêu cầu T1, T và D.

Như vậy, hành vi mà các bị cáo thực hiện đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Không Văn T, Nguyễn Văn T1 phạm tội: “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và tội “*Cướp tài sản*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị cáo Không Văn T: Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bị cáo T đã có một tiền án về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội, mà bị cáo lại tiếp tục phạm tội với vai trò là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo và là người tham gia tích cực. Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo; tuy nhiên cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Không Văn T có ông ngoại (Nguyễn Văn T7) được nhà nước khen tặng Huân chương kháng chiến hạng 3 - là tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 là thiếu sót. Tuy nhiên, mức hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” đối với bị cáo Không Văn T phải chấp hành hình phạt tù chung cho 02 tội là: 09 (chín) năm 09 (chín) tháng là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do vậy, không có căn cứ

để chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, mà cần giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Xét đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1: Xét thấy bản thân bị cáo T1 có nhân thân tốt, bị cáo T1 tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo T. Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo; tuy nhiên cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T1 có thời gian phục vụ trong quân đội - đây là tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo T1 xuất trình thêm một tình tiết giảm nhẹ mới: Trong quá trình tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Krông Năng bị cáo có tham gia báo cho cán bộ trực và cứu chữa một bị can khác tự tử qua cơn nguy hiểm. Từ đó, cho thấy bị cáo T1 đã thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của nhà nước ta.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Khổng Văn T;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T1.

- Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm e khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Khổng Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Buộc bị cáo Khổng Văn T phải chấp hành hình phạt tù chung cho 02 tội là: 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/9/2014.

- Áp dụng khoản 1 Điều 123; điểm e khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và (điểm h khoản 1 Điều 46 đối với tội Bắt, giữ người trái pháp luật); điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Nguyễn Văn T1 06 (sáu) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và 07 (bảy) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chấp hành hình phạt tù chung cho 02 tội là: 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/7/2017 và được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam trước đó, từ ngày 26/9/2014 đến ngày 07 tháng 01 năm 2015.

[2] Về án phí:

Bị cáo Khổng Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- THAHS huyện K;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn